

Số: 08/2023/NQ-CSPH

Bình Dương, ngày 14 tháng 3 năm 2023



**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA
(Phiên họp Lần I năm 2023)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ vào Điều lệ công ty (sửa đổi); Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sửa đổi) và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty (sửa đổi) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cao su Phước Hòa thông qua ngày 15/6/2021;

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa ngày 14 tháng 3 năm 2023 (phiên họp Lần I năm 2023).

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2022 | Tỷ lệ % |
|----|--|----------|---------------|----------------|---------|
| 1 | Diện tích tái canh | Ha | 483,42 | 483,42 | 100 |
| 2 | Sản lượng cao su khai thác | Tấn | 9.400 | 10.515,74 | 111,87 |
| 3 | Sản lượng cao su thu mua | Tấn | 13.500 | 11.019,20 | 81,62 |
| 4 | Sản lượng cao su chế biến nhập kho | Tấn | 22.900 | 21.210,94 | 92,62 |
| | - Chế biến cao su tự khai thác | Tấn | 9.400 | 10.232,51 | 108,85 |
| | - Chế biến cao su thu mua | Tấn | 13.500 | 10.978,43 | 81,32 |
| 5 | Sản lượng cao su tiêu thụ | Tấn | 35.100 | 32.839,90 | 93,56 |
| 6 | Giá bán thành phẩm cao su bình quân | Tr.Đ/Tấn | 39,45 | 38,82 | 98,40 |
| | Giá bán thành phẩm cao su bình quân công ty mẹ | Tr.Đ/Tấn | | 39,42 | |
| | Giá bán thành phẩm cao su bình quân công ty PH-Kam | Tr.Đ/Tấn | | 37,36 | |
| 7 | Tổng doanh thu hợp nhất | Tỷ đồng | | 2.604,72 | |
| | Tổng doanh thu công ty mẹ | Tỷ đồng | 2.252,79 | 2.178,09 | 96,68 |



| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2022 | Tỷ lệ % |
|----|---|---------|---------------|----------------|---------|
| 8 | Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế | Tỷ đồng | | 1.127,21 | |
| | Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ | Tỷ đồng | 898,84 | 921,42 | 102,51 |
| 9 | Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế chưa phân phối | Tỷ đồng | | 925,73 | |
| | Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối công ty mẹ | Tỷ đồng | 743,86 | 767,10 | 103,12 |
| 10 | Nộp ngân sách cho Nhà nước (Đã nộp) | Tỷ đồng | 214,18 | 181,91 | 84,93 |

2. Thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính, đầu tư năm 2023 (theo tờ trình số 849/TTr-CSPH ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc thỏa thuận Kế hoạch SXKD – đầu tư XDCB năm 2023 của Công ty CPCS Phước Hòa và các công ty con):

- Sản lượng khai thác được giao: 11.200 tấn
- Năng suất vườn cây 1,35 tấn/ha
- Trồng tái canh: 254,15ha.
- Sản lượng thu mua: 10.000 tấn
- Sản lượng cao su chế biến: 21.200 tấn mù quy khô.
- Sản lượng cao su tiêu thụ: 34.300 tấn mù quy khô.
- Giá bán bình quân: 37,96 triệu đồng/tấn.
- Tổng doanh thu công ty mẹ: 1.813,44 tỷ đồng.

Trong đó: Doanh thu kinh doanh cao su: 1.301,88 tỷ đồng.

- Đầu tư: Tổng nhu cầu vốn là 354,77 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 549,14 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 487,65 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách cho Nhà nước: 270,84 tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền/mệnh giá tối thiểu: 30%

* Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh quý I/2023

- Sản lượng cao su khai thác: 1.344 tấn mù quy khô (tỷ lệ 12% KH năm)
- Sản lượng cao su thu mua: 1.200 tấn mù quy khô (tỷ lệ 12% KH năm).
- Sản lượng cao su chế biến: 2.544 tấn mù quy khô (tỷ lệ 12% KH năm).
- Sản lượng cao su tiêu thụ: 6.362,04 tấn mù quy khô (tỷ lệ 18,54% KH năm).
- Giá bán bình quân: 36 triệu đồng/tấn.
- Tổng doanh thu công ty mẹ: 434,33 tỷ đồng (tỷ lệ 23,95% KH năm).

Trong đó: Doanh thu kinh doanh cao su: 229,03 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 207,68 tỷ đồng (tỷ lệ 37,81% KH năm).
- Nộp ngân sách Nhà nước: 92,68 tỷ đồng (tỷ lệ 34,21% KH năm).

- Đầu tư: Tổng nhu cầu vốn là 354,771 tỷ đồng.

3. Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2023 các công ty con với một số chỉ tiêu chính như sau (theo tờ trình số 849/TTr-CSPH, ngày 05/12/2022 và Tờ trình số 918/TTr-CSPH ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ban Tổng giám đốc công ty):

a) Công ty TNHH Phát triển cao su Phước Hòa – Kampong Thom:

- Sản lượng khai thác được giao: 13.000 tấn
- Sản lượng cao su chế biến: 13.500 tấn mũ quy khô.
- Sản lượng cao su tiêu thụ: 13.700 tấn mũ quy khô.
- Tổng doanh thu : 502,643 tỷ đồng.
- Đầu tư: Tổng nhu cầu vốn là 65,122 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 86,307 tỷ đồng.

b) Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa – Đắk Lắk:

- Sản lượng khai thác được giao: 120 tấn
- Sản lượng cao su tiêu thụ: 120 tấn mũ quy khô.
- Tổng doanh thu: 8,994 tỷ đồng.
- Đầu tư: Tổng nhu cầu vốn là 17,915 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 252 triệu đồng.

c) Công ty CPCS Trường Phát:

- Sản lượng sản xuất: 44.200 m³ gỗ (Phôi 40.000 m³ ; ghép 4.200 m³)
- Sản lượng tiêu thụ: 37.900 m³ gỗ (Phôi 33.700 m³ ; ghép 4.200 m³)
- Tổng doanh thu : 233,758 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 4,009 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 4,009 tỷ đồng.

d) Công ty CP Khu CN Tân Bình

- Diện tích cho thuê: 0m²
- Tổng doanh thu: 287,983 tỷ đồng
- Đầu tư: Tổng nhu cầu vốn là 319,617 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 195,169 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 156,065 tỷ đồng.
- Chia cổ tức tối thiểu 48%/mệnh giá.

e) Công ty CP Thành phố nội thất Việt Nam

- Tổng doanh thu: 500 triệu đồng
- Đầu tư: Tổng nhu cầu vốn là 61 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 485 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 388 triệu đồng.

4. Thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo tình hình hoạt động của ban kiểm soát năm 2022.

Hội đồng quản trị giao Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả cho Hội đồng quản trị. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT TPHCM;
- HĐQT Tập đoàn CNCS VN;
- Ban TGD Tập đoàn CNCS VN;
- KSV Tập đoàn CNCS VN;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Đảng ủy, Ban TGD công ty;
- Các phòng ban, đoàn thể cty;
- Các NT, XN, Cty con;
- Website công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Kim Nhựt

